ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 1126/QĐ-UBND	*Thái Bình, ngày 29 tháng 5 năm 2015*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt Đề án sắp xếp và xây dựng mô hình tổ chức, quản lý bến xe ô tô khách trên địa bàn tỉnh Thái Bình đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH

Căn cứ Luật tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Giao thông đường bộ năm 2008;

Căn cứ Nghị định số 86/2014/NĐ-CP ngày 10/9/2014 của Chính phủ về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô;

Căn cứ Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 07/11/2014 của Bộ Giao thông vận tải quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ; Thông tư số 49/2012/TT-BGTVT ngày 12/12/2012 của Bộ Giao thông vận tải ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bến xe khách;

Căn cứ Quyết định số 12/2015/QĐ-TTg ngày 16/4/2015 của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế, chính sách thu hút xã hội hóa đầu tư và khai thác bến xe khách.

Xét đề nghị của Sở Giao thông Vận tải tại Tờ trình số 89/TTr-SGTVT ngày 26/5/2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đề án sắp xếp và xây dựng mô hình tổ chức, quản lý bến xe ô tô khách trên địa bàn tỉnh Thái Bình đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030, với những nội dung chủ yếu sau:

I. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU

1. Quan điểm:

Việc sắp xếp và xây dựng mô hình tổ chức quản lý bến xe ô tô khách trên địa bàn tỉnh Thái Bình đến năm 2020 và tầm nhìn đến 2030 nhằm bảo đảm tính đồng bộ, hiệu quả, phục vụ tốt nhu cầu đi lại của nhân dân, tránh lãng phí xã hội và phát triển bền vững các tuyến vận tải. Phù hợp với Quy hoạch phát triển tổng thể giao thông vận tải tỉnh Thái Bình đến năm 2020 tầm nhìn đến năm 2030; Quy hoạch hệ thống bến xe, bãi đỗ xe taxi và các tuyến vận tải khách bằng xe buýt trên địa bàn tỉnh Thái Bình đến năm 2020 định hướng đến năm 2030; phù hợp với nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

2. Mục tiêu:

- Sắp xếp lại các loại hình vận tải khách, tuyến vận tải tại từng bến xe để phát huy hiệu quả hoạt động, tránh chồng chéo, đảm bảo trật tự an toàn giao thông.

- Chuyển đổi mô hình tổ chức quản lý hoạt động của các bến xe theo đúng quy định của Nhà nước.

- Tạo điều kiện, khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia đầu tư, khai thác bến xe, thực hiện xã hội hóa các bến xe trên địa bàn tỉnh.

- Đầu tư, xây dựng các bến xe ô tô khách theo từng giai đoạn, đảm bảo các tiêu chí theo quy định (Các bến xe khai thác tuyến liên tỉnh phải đảm bảo đạt tiêu chuẩn tại Thông tư số 49/2012/TT-BGTVT ngày 12/12/2012 của Bộ Giao thông Vận tải). Phát huy vai trò quản lý của các bến xe trong hoạt động vận tải khách; phục vụ hiệu quả cho công tác quản lý nhà nước về vận tải.

II. NỘI DUNG SẮP XẾP HỆ THỐNG BẾN XE VÀ CÁC LUỒNG TUYẾN VẬN TẢI

1. Giai đoạn từ năm 2015 đến năm 2020, thực hiện các nội dung sau:

- Giảm số lượng bến xe liên tỉnh từ 12 bến xuống còn 09 bến

- Chuyển 03 bến (Chợ Lục, Nam Trung, Hưng Nhân) thành bến xe nội tỉnh.

- Chuyển các tuyến liên tỉnh từ 03 bến xe Chợ Lục, Nam Trung, Hưng Nhân về bến xe Thái Thụy, Tiền Hải và Hưng Hà.

- Điều chỉnh lại hành trình của một số tuyến liên tỉnh, bố trí hướng tuyến khai thác tại mỗi bến xe tránh chồng chéo luồng tuyến, tránh đi vào khu vực trung tâm thành phố Thái Bình.

- Chuyển các tuyến trên 300km tại bến không đủ tiêu chuẩn (bến xe Quỳnh Côi) về các bến đủ tiêu chuẩn (Bến xe Thành phố và bến xe Hưng Hà)

2. Giai đoạn sau năm 2020, thực hiện một số nội dung sau:

- Bố trí các tuyến vận tải khách liên tỉnh có cự ly từ 300 km trở lên về hoạt động tại 04 bến xe vùng (bến xe phía Tây thành phố Thái Bình, Hưng Hà, Thái Thụy, Tiền Hải)

- Chuyển các tuyến từ 300 km trở lên:

+ Từ bến xe Kiến Xương về bến xe phía Tây thành phố

+ Từ bến xe Đông Hưng về bến xe phía Tây thành phố, Hưng Hà

- Điều chỉnh tuyến liên tỉnh tại 04 bến xe vùng phù hợp mạng lưới giao thông

- Chuyển toàn bộ các tuyến liên tỉnh (trừ tuyến Hà Nội) từ bến xe thành phố về bến xe phía Tây thành phố.

3. Thời gian điều chuyển các tuyến liên tỉnh:

- Trước ngày 31/12/2015 hoàn thành việc điều chuyển, sắp xếp các tuyến vận tải khách có cự ly từ 300 km trở lên tại một số bến xe không đạt tiêu chuẩn về bến xe đạt tiêu chuẩn theo Thông tư 49/2012/TT-BGTVT ngày 12/12/2012 của Bộ Giao thông vận tải.

- Trước ngày 31/3/2016 hoàn thành việc điều chuyển, sắp xếp các tuyến vận tải khách liên tỉnh theo nội dung 2.1, mục II, phần II của đề án.

III. MÔ HÌNH QUẢN LÝ BẾN XE Ô TÔ KHÁCH

1. Mô hình quản lý bến xe trên địa bàn tỉnh Thái Bình:

- Các bến đã xã hội hóa hiện đang hoạt động theo mô hình doanh nghiệp: Giữ nguyên mô hình quản lý, bao gồm các bến xe Hoàng Hà, Đông Hưng, Quỳnh Côi, Bồng Tiên.

- Các bến xe do Ban Quản lý, đơn vị sự nghiệp thuộc Ủy ban nhân dân các huyện quản lý: Thực hiện bán để chuyển đổi mô hình hoạt động sang mô hình doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

- Bến xe khách trung tâm thành phố Thái Bình: Thực hiện chuyển đổi từ mô hình Ban Quản lý sang mô hình Công ty cổ phần thời gian đầu để đảm bảo ổn định Nhà nước nắm giữ 51% vốn, sau đó hàng năm sẽ thực hiện thoái vốn Nhà nước theo kế hoạch.

2. Thời gian hoàn thành việc chuyển đổi mô hình:

Thời gian hoàn thành chuyển đổi mô hình tổ chức quản lý các bến xe trên địa bàn tỉnh, trước tháng 7/2016.

IV. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Giải pháp về cơ chế chính sách thu hút xã hội hóa đầu tư và khai thác bến xe khách:

Thực hiện theo Quyết định số 12/2015/QĐ-TTg ngày 16/4/2015 của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế, chính sách thu hút xã hội hóa đầu tư và khai thác bến xe khách.

2. Giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động, tăng cường ứng dụng khoa học công nghệ tại các bến xe:

- Điều tiết luồng tuyến tại các bến xe theo hướng ưu tiên tổ chức vận tải liên tỉnh tại các bến xe có cơ sở vật chất và ứng dụng khoa học công nghệ tốt, đặc biệt là các bến xe trung tâm.

- Tăng cường đầu tư các thiết bị công nghệ và ứng dụng phần mềm quản lý để nâng cao hiệu quả công tác quản lý hoạt động tại các bến xe.

+ Đối với bến xe loại 1 và loại 2: Bán vé điện tử kết hợp ứng dụng kiểm soát vé thông minh như sử dụng vé thẻ, vé có kết nối với các phương thức vận tải khác.

+ Đối với các bến xe loại 3 và loại 4 trở lên, bắt buộc niêm yết điện tử các thông tin gồm: Chất lượng dịch vụ, biểu đồ chạy xe, giá vé, giờ xe xuất bến và đều phải xây dựng, vận hành trang thông tin điện tử có phản hồi ý kiến của hành khách, khách hàng.

+ Mỗi bến xe sẽ nghiên cứu để ứng dụng phần mềm quản lý hoạt động nội bộ của bến để kiểm soát an toàn và an ninh trật tự.

3. Giải pháp về tăng cường quản lý nhà nước:

Các sở, ban, ngành, địa phương chỉ đạo các lực lượng chức năng, lực lượng tuần tra, kiểm soát tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát, xử lý các trưởng hợp, đơn vị vi phạm trong hoạt động vận tải khách để kiểm soát có hiệu quả hoạt động vận tải.

4. Giải pháp về nhân lực:

Trên cơ sở vị trí việc làm và cơ cấu, tổ chức bộ máy, lựa chọn nhân lực có trình độ, kinh nghiệm, năng lực công tác để bố trí sắp xếp; Ưu tiên sử dụng nhân lực hiện đang làm việc tại đơn vị.

Xây dựng, đào tạo đội ngũ cán bộ đáp ứng yêu cầu về số lượng, chuyên môn nghiệp vụ và năng lực quản lý.

5. Giải pháp về quy hoạch:

Rà soát quy hoạch bến xe đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030, đảm bảo có các vị trí quy hoạch bến xe phù hợp, ổn định, lâu dài.

Sở Giao thông vận tải thực hiện rà soát và công bố kết quả sắp xếp lại mạng lưới luồng tuyến, doanh nghiệp và phương tiện hoạt động tại các bến xe phù hợp với định hướng và yêu cầu phát triển chung, tạo điều kiện cho các bến xe khai thác hiệu quả.

(có Đề án kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

- Sở Giao thông vận tải chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố xây dựng kế hoạch chi tiết thực hiện đề án theo từng giai đoạn; đôn đốc, kiểm tra kết quả thực hiện, tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh; tham mưu việc chuyển đổi mô hình quản lý của Ban Quản lý Bến xe khách trung tâm thành phố Thái Bình.

- Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì phối hợp với Sở Tài chính, các ngành liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh cân đối, bố trí nguồn vốn để thực hiện cổ phần hóa, xã hội hóa bến xe.

- Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành liên quan rà soát, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh việc hỗ trợ lãi suất vốn vay các tổ chức tín dụng để nâng cấp, mở rộng bến xe ô tô trong tỉnh theo hình thức xã hội hóa.

- Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với Sở Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện các thủ tục về đất khi chuyển đổi các bến xe; tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh về việc miễn tiền thuê đất quy định tại Điều 6, Quyết định số 12/2015/QĐ-TTg ngày 16/4/2015 của Thủ tướng Chính phủ khi thực hiện xã hội hóa bến xe.

- Sở Xây dựng chủ trì phối hợp với các sở ban ngành hướng dẫn thực hiện công tác quy hoạch địa điểm, quy hoạch chi tiết các bến xe.

- Sở Thông tin và Truyền thông, Đài Phát thanh và Truyền hình Thái Bình, Báo Thái Bình tăng cường tuyên truyền chủ trương, chính sách của Nhà nước, của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thực hiện xã hội hóa bến xe.

- Các sở ban ngành liên quan: Căn cứ chức năng nhiệm vụ được giao, phối hợp thực hiện theo từng giai đoạn và hướng dẫn các tổ chức, cơ sở triển khai thực hiện; theo dõi giám sát quá trình thực hiện tham mưu đề xuất với Ủy ban nhân dân tỉnh các cơ chế, chính sách, giải pháp thực hiện theo nội dung đề án được duyệt.

- Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố chủ trì phối hợp với các sở, ngành liên quan thực hiện việc chuyển đổi mô hình hoạt động từ Ban Quản lý, đơn vị sự nghiệp các bến xe do Ủy ban nhân dân huyện quản lý sang hoạt động theo mô hình của Luật Doanh nghiệp theo đúng tiến độ của Đề án;. Phối hợp với Sở Giao thông vận tải và các sở, ngành liên quan triển khai xây dựng kế hoạch, phương án thực hiện nội dung của đề án theo từng giai đoạn ở địa phương. Quy hoạch, bố trí quỹ đất hợp lý (về vị trí, diện tích) dành cho các bến đầu, bến cuối của các tuyến xe buýt để phục vụ thuận lợi cho việc trung chuyển hành khách khi thực hiện sắp xếp các luồng tuyến vận tải.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, các Giám đốc Sở, Thủ trưởng ngành: Giao thông Vận tải, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Thông tin và Truyền thông, Đài Phát thanh và Truyền hình Thái Bình, Báo Thái Bình; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố, Thủ trưởng ngành, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như điều 3;
- TT Tỉnh ủy;
- TT Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Cổng TTĐT tỉnh;
- LĐVP UBND tỉnh;
- Lưu VT, CTXDGT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Phạm Văn Ca

UỶ BAN NHÂN DÂN **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

ĐỀ ÁN
SẮP XẾP VÀ XÂY DỰNG MÔ HÌNH TỔ CHỨC QUẢN LÝ BẾN XE Ô TÔ KHÁCH TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THÁI BÌNH ĐẾN NĂM 2020 VÀ TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2030

(Kèm theo Quyết định số 1126/QĐ-UBND ngày 29/5/2015 của UBND tỉnh)

Phần mở đầu

1. Sự cần thiết lập đề án

Sau khi đất nước ta được hoàn toàn giải phóng và thực hiện đường lối đổi mới, Nhà nước đã quan tâm phát triển kinh tế xã hội nói chung, giao thông vận tải nói riêng. Nhiều chủ trương, giải pháp đã được Đảng, Nhà nước hoạch định nhằm khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia đầu tư kinh doanh. Trong lĩnh vực vận tải, đã thu hút được các nguồn lực tài chính trong xã hội đầu tư phát triển các phương tiện vận tải, hệ thống bến xe khách. Sự phát triển đó đã góp phần tích cực cho việc phát triển kinh tế xã hội và thỏa mãn ngày càng tốt hơn nhu cầu đi lại của nhân dân. Mặt khác, trong lĩnh vực vận tải hành khách, loại hình vận tải bằng ô tô chiếm vai trò chủ đạo. Số lượng ô tô vận tải hành khách tăng bình quân 10%/năm. Hệ thống các bến xe của tỉnh nhà phát triển nhanh chóng, bình quân mỗi huyện, thành phố có 02 bến xe. Các tuyến vận tải khách liên tỉnh bằng ô tô tăng nhanh.

Bên cạnh những mặt tích cực nêu trên, đã nảy sinh một số bất cập trong tổ chức, quản lý. Những năm gần đây, nguồn cung vận tải khách đã vượt quá nhu cầu, các tuyến vận tải chồng chéo về hành trình, xuất hiện hiện tượng cạnh tranh không lành mạnh. Số lượng bến xe trên địa bàn tuy nhiều song số bến xe đạt đủ các tiêu chí và khang trang hiện đại còn ít; Hoạt động của các bến xe còn nhỏ lẻ, manh mún, không hiệu quả, thiếu tính kết nối. Việc xã hội hóa, kêu gọi các thành phần kinh tế tham gia đầu tư khai thác các bến xe còn chậm, thiếu cơ chế chính sách thu hút xã hội hóa đầu tư và khai thác bến xe khách. Mô hình bến xe chưa thống nhất, chưa đúng với quy định.

Do vậy, việc xây dựng **"Đề án sắp xếp và xây dựng mô hình tổ chức quản lý bến xe ô tô khách trên địa bàn tỉnh Thái Bình đến năm 2020 và tầm nhìn đến 2030"** nhằm khắc phục những hạn chế trong lĩnh vực vận tải hành khách, cụ thể là: sắp xếp và tổ chức lại các loại hình vận tải, các tuyến vận tải tại các bến xe để phát triển ổn định; xây dựng mô hình quản lý, khai thác hệ thống bến xe phù hợp, nâng cao hiệu quả hoạt động.

2. Căn cứ pháp lý xây dựng đề án

- Luật Giao thông đường bộ năm 2008;

- Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 16/01/2012 Hội nghị TW lần thứ 4 khóa XI, đề ra mục tiêu trọng tâm về hạ tầng giao thông đáp ứng yêu cầu đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại.

- Nghị định số 86/2014/NĐ-CP ngày 10/9/2014 của Chính phủ về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô.

- Quyết định số 12/2015/QĐ-TTg ngày 16/4/2015 của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế, chính sách thu hút xã hội hóa đầu tư và khai thác bến xe khách.

- Thông tư số 24/2010/TT-BGTVT ngày 31/8/2010 của Bộ Giao thông vận tải quy định về bến xe, bãi đỗ xe, trạm dừng nghỉ và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ;

- Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 07/11/2014 của Bộ Giao thông vận tải quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ;

- Thông tư số 49/2012/TT-BGTVT ngày 12/12/2012 của Bộ Giao thông vận tải ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bến xe khách;

- Thông tư 152/2014/TTLT-BTC-BGTVT ngày 15/10/2014 của Bộ Tài chính và Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện giá cước vận tải bằng xe ô tô và giá dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ;

- Văn bản số 7835/BGTVT-VT ngày 01/7/2014 của Bộ trưởng Bộ GTVT V/v phát triển xã hội hóa đầu tư, khai thác và nâng cao hiệu quả quản lý đối với bến xe ô tô khách;

- Quyết định số 2762/QĐ-UBND ngày 07/10/2008 của UBND Tỉnh Thái Bình phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển giao thông vận tải tỉnh Thái Bình đến năm 2020;

- Quyết định số 372/QĐ-UBND ngày 26/02/2014 của UBND tỉnh V/v phê duyệt Quy hoạch hệ thống bến xe, bãi đỗ xe taxi và các tuyến vận tải khách bằng xe buýt trên địa bàn tỉnh Thái Bình đến năm 2020 định hướng đến năm 2030;

- Văn bản số 1291/UBND-GT ngày 20/5/2014 của UBND tỉnh Thái Bình về việc lập Đề án sắp xếp và xây dựng mô hình quản lý các bến xe khách trên địa bàn tỉnh.

- Văn bản số 1173/UBND-CTXDGT ngày 22/4/2015 của UBND tỉnh Thái Bình về việc thực hiện Quyết định số 12/2015/QĐ-TTg ngày 16/4/2015 của Thủ tướng Chính phủ.

- Các quy trình, quy phạm và tiêu chuẩn xây dựng hiện hành.

Phần thứ nhất

ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG VỀ BẾN XE VÀ HOẠT ĐỘNG VẬN TẢI TRONG MỐI QUAN HỆ VỚI CÁC BẾN XE Ô TÔ KHÁCH

I. KHÁI QUÁT CHUNG VỀ VỊ TRÍ ĐỊA LÝ, TÌNH HÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI CỦA TỈNH

Thái Bình là tỉnh thuộc đồng bằng ven biển ở phía nam châu thổ sông Hồng, bốn phía bao bọc bởi sông và biển. Phía bắc và tây bắc tiếp giáp Hải Phòng, Hải Dương, Hưng Yên. Phía tây và tây nam giáp Hà Nam, Nam Định, phía đông giáp biển. Thái Bình nằm trên trục giao thương kinh tế trọng điểm của vùng đồng bằng Bắc Bộ, vùng ảnh hưởng trực tiếp của tam giác tăng trưởng kinh tế Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh.

Thái Bình có 01 thành phố và 07 huyện (Quỳnh Phụ, Hưng Hà, Đông Hưng, Thái Thụy, Tiền Hải, Kiến Xương, Vũ Thư) với 286 xã, phường, thị trấn. Diện tích của tỉnh tương đối nhỏ, tỷ lệ đô thị hoá thấp nhưng mật độ dân số cao so với bình quân cả nước. Thái Bình có hơn một triệu dân sinh sống và làm việc ở các thành phố lớn, các tỉnh miền núi phía Bắc, Tây Nguyên và Nam Bộ. Số lượng người dân làm nông nghiệp chiếm tỷ lệ cao.

Thái Bình không nằm trên trục giao thông huyết mạch mang tầm quan trọng cấp quốc gia, hiện chỉ có quốc lộ 10, quốc lộ 39 với vai trò cấp vùng. Nhìn chung nền kinh tế của tỉnh trong thời gian qua phát triển tương đối ổn định, tạo điều kiện thuận lợi cho việc phát triển hệ thống giao thông, mạng lưới vận tải.

Nguồn thu ngân sách của tỉnh còn nhiều hạn chế, khả năng trợ giá cho vận tải hành khách công cộng, đầu tư cơ sở hạ tầng bến bãi khó khăn.

II. ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG VỀ BẾN XE VÀ HOẠT ĐỘNG VẬN TẢI TRONG MỐI QUAN HỆ VỚI CÁC BẾN XE Ô TÔ KHÁCH

1. Đánh giá về mạng lưới hệ thống giao thông đường bộ

Tuyến vận tải khách của Thái Bình chủ yếu tập trung trên QL10, QL39 và phân bố lệch. Cụ thể, hành khách liên tỉnh khu vực Kiến Xương, Tiền Hải đều phải qua Thành phố. Đặc biệt Tiền Hải, nơi có điều kiện thuận lợi để phát triển kinh tế và du lịch biển lại chưa có mạng lưới giao thông kết nối với các tỉnh lân cận tương xứng.

Hiện nay, một số tuyến giao thông quan trọng đang được đầu tư xây dựng như: tuyến quốc lộ nối từ Thái Bình đi Hà Nam, Quốc lộ 37B. Tuyến đường bộ ven biển đã được đưa vào quy hoạch. Trong tương lai khi các tuyến đường này hoàn thành sẽ giảm tải cho quốc lộ 10 qua Thái Bình, rút ngắn quãng đường đi lại của hành khách và khai thác tiềm năng kinh tế biển,

Có thể nói mạng lưới giao thông của Thái Bình phát triển khá sớm so với các địa phương trong cả nước, hình thành khá rõ ràng và ổn định. Tuy nhiên, mạng lưới chưa được hoàn chỉnh, chưa đảm bảo tính đồng bộ, liên thông. Tiêu

chuẩn kỹ thuật đường sá còn thấp, khó đáp ứng khi lưu lượng giao thông tăng, phương tiện có tải trọng lớn.

2. Đánh giá về vận tải hành khách bằng xe ô tô, các bến xe khách

Vận tải hành khách của Thái Bình chủ yếu bằng ô tô, không có vận tải đường sắt, đường hàng không và đường thủy. Những năm qua vận tải khách bằng ô tô đã phát triển mạnh mẽ, đáp ứng yêu cầu về phát triển kinh tế - xã hội và phục vụ ngày càng tốt hơn nhu cầu đi lại của nhân dân.

Hiện nay có 80 đơn vị vận tải khách theo tuyến cố định, 1200 xe khách tham gia kinh doanh vận tải trên địa bàn tỉnh, trong đó có 800 xe khách của Thái Bình và 400 xe của tỉnh ngoài. Có hơn 200 tuyến vận tải khách từ Thái Bình đi 35 tỉnh, thành phố trên cả nước. Loại hình kinh doanh vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt có 47 phương tiện khai thác 05 tuyến buýt nội tỉnh từ Thành phố đi các huyện. Vận tải khách bằng taxi có 07 đơn vị tham gia với hơn 350 phương tiện. Có khoảng 100 phương tiện chuyên kinh doanh vận tải khách bằng xe ô tô theo hợp đồng.

Trên địa bàn toàn tỉnh có 14 bến xe đã được công bố, xếp loại theo Thông tư số 24/2010/TT-BGTVT ngày 31/8/2010 của Bộ GTVT (*Phụ lục 1- Hiện trạng hệ thống bến xe ô tô khách*).

Ưu điểm

Đến nay, có 04/14 bến đã được xã hội hóa (bến xe Hoàng Hà, bến xe Bồng Tiên, bến xe Đông Hưng, bến xe Quỳnh Côi), 05/14 bến có cơ sở vật chất trang thiết bị tương đối khang trang (bến xe Trung tâm Thành phố Thái Bình, bến xe Hoàng Hà, bến xe trung tâm Thái Thụy, bến xe Hưng Hà, Hưng Nhân).

Đã hình thành mạng lưới vận tải hành khách theo tuyến cố định để phục vụ thuận lợi nhu cầu đi lại của nhân dân, gồm hơn 200 tuyến vận tải khách, trung bình hàng ngày có 879 lượt xe xuất bến đi 35 tỉnh thành phố khác trên cả nước (*Phụ lục 2 - Tần suất xe chạy và lượng khách của các tuyến nội tỉnh; Phụ lục 3 - Danh sách tuyến liên tỉnh và tần suất xe chạy của các bến xe*).

Phương tiện vận tải hành khách bằng xe ô tô phát triển nhanh chóng cả về số lượng và chất lượng. Nhiều phương tiện mới, chất lượng cao được đưa vào khai thác góp phần nâng cao chất lượng dịch vụ vận tải, đáp ứng thuận lợi nhu cầu đi lại của nhân dân và phát triển kinh tế xã hội. Một số tuyến vận tải khách chất lượng cao từ Thái Bình đi Hà Nội, Gia Lai, Quảng Ninh, Điện Biên, Đắc Lắc được duy trì ổn định, vận hành tốt.

Hạn chế

Trong 14 bến xe đã được công bố đưa vào khai thác theo Thông tư 24, nhiều hạng mục cơ sở hạ tầng bến, hệ thống trang thiết bị,... chưa đủ điều kiện, chưa đáp ứng các quy chuẩn hiện hành (*Phụ lục 4 - Quy chuẩn bến xe khách theo **QCVN 45:2012/BGTVT***). Các bến xe từ loại 1 đến loại 4 vẫn chưa lắp đặt thiết bị để kết nối internet giữa các bến xe khách có liên quan với nhau và với cơ

quan quản lý tuyến, đồng thời thực hiện quản lý và báo cáo qua phần mềm theo quy định.

Theo quy định của Luật Giao thông đường bộ và Thông tư 49/2012/TT-BGTVT của Bộ Giao thông vận tải, các đơn vị trực tiếp quản lý, khai thác bến xe phải là doanh nghiệp, hợp tác xã. Đến nay mô hình bến xe khách trên địa bàn tỉnh còn chưa thống nhất và chưa đúng với quy định hiện hành.

Hoạt động quản lý, tác nghiệp tại bến xe chưa đáp ứng được quy định như: chưa niêm yết thông tin tuyến vận tải, chất lượng dịch vụ trên tuyến, quy trình tác nghiệp, nội quy bến; chưa nghiêm túc thực hiện quy trình xe ra vào bến; nhân sự quản lý và điều hành tại các bến thiếu và yếu cả về số lượng lẫn chất lượng. Nhiều bến chỉ là nơi dừng đỗ và đóng dấu lệnh vận chuyển cho các phương tiện được chấp thuận khai thác tại bến, không thể hiện được vai trò của bến xe.

Số lượng bến xe tuy nhiều nhưng vị trí một số bến còn bố trí gần nhau, chủ yếu tập trung nằm dọc trên các trục giao thông chính nên đã hình thành nhiều tuyến vận tải chồng chéo. Tình trạng đón trả khách dọc đường không đúng nơi quy định diễn ra phổ biến đã làm cho lượng khách bị phân tán, gây mất trật tự an toàn giao thông. Hoạt động của các bến xe cũng như của các đơn vị vận tải không hiệu quả, tình trạng xe bỏ chuyến ngày càng tăng, nhất là đối với các tuyến xe đường dài.

Các đơn vị vận tải hạn chế về quy mô, năng lực quản lý và cung ứng dịch vụ. Việc kinh doanh vận tải khách chưa chuyên nghiệp, bài bản. Cung cách làm việc của lái xe, nhân viên phục vụ còn hạn chế. Chưa có sự phối hợp chặt chẽ giữa các chủ doanh nghiệp, chủ phương tiện vận tải trong tác nghiệp vận tải và công tác quản lý. Việc bồi dưỡng, nâng cao trình độ quản lý, nghiệp vụ chuyên môn chưa được rộng rãi.

3. Nguyên nhân của những hạn chế

Một là: Hệ thống các văn bản quản lý, nhất là các Nghị định, Thông tư quy định về quản lý hoạt động vận tải còn thiếu tính ổn định, chưa đồng bộ, thống nhất và chưa theo kịp với diễn biến thực tế của hoạt động vận tải. Cụ thể như chậm quy định điều kiện cơ sở vật chất, các yêu cầu trong việc lập quy hoạch, đầu tư, xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp và quản lý khai thác bến xe khách. Quy định về việc mở mới tuyến vận tải khách liên tỉnh còn chưa chặt chẽ (nhất là quy định về hành trình chạy xe trên tuyến) dẫn đến tình trạng các luồng tuyến vận tải bị trùng lặp về hành trình chạy xe.

Hai là: Các bến xe trên địa bàn tỉnh được hình thành từ thời kỳ kinh tế tập trung (bao cấp), mô hình tổ chức quản lý khai thác chậm được đổi mới khi chuyển sang nền kinh tế thị trường. Chưa đa dạng hóa các loại hình kinh doanh phụ trợ, chủ yếu dựa vào nguồn thu dịch vụ xe ra vào bến, dẫn đến hoạt động của các bến xe thiếu hiệu quả. Việc kết nối giữa các loại hình vận tải tại các bến

xe còn hạn chế (liên tỉnh, nội tỉnh, xe buýt, xe trung chuyển, taxi). Vai trò quản lý nhà nước về vận tải của các bến xe chưa được phát huy.

Ba là: Hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về vận tải của Sở GTVT thời gian qua, cũng như các địa phương đơn vị liên quan chưa cao.

Bốn là: Nguồn vốn đầu tư từ ngân sách của tỉnh cho bến xe rất hạn chế trong khi đó chưa có cơ chế chính sách kêu gọi các thành phần kinh tế tham gia đầu tư, khai thác các bến xe (xã hội hóa).

Phần thứ hai

QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU, NỘI DUNG SẮP XẾP VÀ MÔ HÌNH QUẢN LÝ BẾN XE Ô TÔ KHÁCH

I. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU

1. Quan điểm

Việc sắp xếp và xây dựng mô hình tổ chức quản lý bến xe ô tô khách trên địa bàn tỉnh Thái Bình đến năm 2020 và tầm nhìn đến 2030 nhằm đảm bảo tính đồng bộ, hiệu quả, phục vụ tốt nhu cầu đi lại của nhân dân, tiết kiệm chi phí và phát triển bền vững. Phù hợp với Quy hoạch phát triển tổng thể giao thông vận tải tỉnh Thái Bình đến năm 2020 tầm nhìn đến năm 2030; Quy hoạch hệ thống bến xe, bãi đỗ xe taxi và các tuyến vận tải khách bằng xe buýt trên địa bàn tỉnh Thái Bình đến năm 2020 định hướng đến năm 2030; phù hợp với nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa

2. Mục tiêu chung

Bố trí, đầu tư xây dựng các bến xe ô tô khách theo từng giai đoạn, đảm bảo các tiêu chí theo quy định. Nâng cao vai trò của các bến xe trong hoạt động vận tải khách; phục vụ hiệu quả cho công tác quản lý nhà nước về vận tải.

Chuyển đổi mô hình tổ chức quản lý hoạt động bến xe, tạo điều kiện, khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia đầu tư, khai thác bến xe trên địa bàn tỉnh.

3. Mục tiêu cụ thể

Các bến xe khai thác tuyến liên tỉnh phải đảm bảo đạt tiêu chuẩn theo Thông tư 49/2012/TT-BGTVT với các khu chức năng của bến xe được thiết kế đồng bộ gồm: nhà chờ, nhà điều hành, cổng ra vào, công trình dịch vụ thương mại phụ trợ đảm bảo an toàn giao thông, vệ sinh môi trường và phòng chống cháy nổ. Tăng cường, nâng cao hiệu quả hoạt động tại các bến xe.

Sắp xếp lại các loại hình vận tải khách, tuyến vận tải tại từng bến xe để phát huy hiệu quả hoạt động, tránh chồng chéo, mất trật tự an toàn giao thông.

Thực hiện xã hội hóa các bến xe trên địa bàn tỉnh.

II. NỘI DUNG SẮP XẾP HỆ THỐNG BẾN XE VÀ CÁC LUỒNG TUYẾN VẬN TẢI

1. Nguyên tắc sắp xếp

- Hạn chế tối đa sự chồng chéo của các tuyến vận tải, nhất là các tuyến vận tải không được phép đi vào trung tâm Thành phố Thái Bình gây nên tình trạng

đón trả khách không đúng quy định, tranh giành khách, phát huy tối đa hiệu quả của các tuyến đường tránh, đường vành đai.

- Căn cứ vào nhu cầu, mật độ đi lại tại các khu vực, các huyện, thành phố để bố trí, đầu tư các bến xe liên tỉnh.

- Khảo sát, đánh giá, phân loại từng bến để phân chia phạm vi hoạt động của các tuyến vận tải hoạt động tại bến; từng bước đầu tư các bến xe, nhất là các bến xe quan trọng (bến xe hoạt động tuyến liên tỉnh) có nhu cầu đi lại và tiềm năng vận tải cao.

2. Nội dung sắp xếp

2.1. Giai đoạn từ năm 2015 đến năm 2020

Căn cứ đặc điểm, mật độ dân số tỉnh Thái Bình (*Phụ lục 5 - Cơ cấu hành chính dân số tỉnh Thái Bình)*; Quy hoạch tổng thể phát triển giao thông vận tải tỉnh Thái Bình đến năm 2020; hiện trạng mạng lưới các tuyến đường, mạng lưới giao thông liên vùng; vị trí các điểm dừng đón trả khách tuyến cố định *(Phụ lục 6 - Danh sách vị trí các điểm dừng đón trả khách);* đặc điểm vị trí địa lý của tỉnh và nhu cầu đi lại của nhân dân.

Giai đoạn này thực hiện sắp xếp một số nội dung sau: giảm số lượng bến xe liên tỉnh từ 12 bến xuống 09 bến; chuyển 03 bến (Chợ Lục, Nam Trung, Hưng Nhân) thành bến xe nội tỉnh; chuyển các tuyến liên tỉnh từ 03 bến này về bến xe Thái Thụy, Tiền Hải và Hưng Hà; điều chỉnh lại hành trình của một số tuyến liên tỉnh, tránh chồng chéo luồng tuyến; chuyển các tuyến trên 300km tại bến không đủ tiêu chuẩn (Quỳnh Côi) về các bến đủ tiêu chuẩn (Bx Thành phố và Hưng Hà). Cụ thể như sau:

a. Sắp xếp 09 bến xe liên tỉnh (Phụ lục 7 - Quy mô diện tích, vị trí các bến xe liên tỉnh) **như sau:**

- ***Bến xe Trung tâm TP Thái Bình*** phục vụ các tuyến liên tỉnh, nội tỉnh và xe buýt.

+ Theo QL10 - QL39 qua cầu Triều Dương đi Tuyên Quang, Sơn La, Lào Cai, Lai Châu, Điện Biên, Thái Nguyên, Yên Bái, Lạng Sơn, bến xe phía Bắc Hà Nội, Bắc Giang.

+ Theo QL10 qua cầu Tân Đệ đi Nam Định, Hà Nội, Hòa Bình, Bắc Ninh, Phú Thọ, Bắc Cạn, Ninh Bình, Thanh Hóa, Nghệ An, Đà Nẵng, Kon Tum, Gia Lai, Đắc Lắc, Lâm Đồng, Bà Rịa Vũng Tàu, Kiên Giang, Thành phố Hồ Chí Minh.

+ Theo QL10 qua cầu Nghìn đi Hải Phòng, Hải Dương, Quảng Ninh.

- ***Bến xe Hoàng Hà*** phục vụ một số tuyến liên tỉnh của Công ty, xe buýt và một số tuyến liên tỉnh khác. Các tuyến liên tỉnh đi theo hướng tuyến và đi các tỉnh thành phố sau:

+ Theo QL10 qua cầu Tân Đệ đi Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh.

+ Theo QL10 - QL39 qua cầu Triều Dương đi Sơn La.

+ Theo QL10 qua cầu Nghìn đi Quảng Ninh.

- ***Bến xe Thị trấn Hưng Hà*** phục vụ một số tuyến liên tỉnh, nội tỉnh và xe buýt. Các tuyến liên tỉnh đi theo hướng tuyến và đi các tỉnh, thành phố sau:

+ Theo QL39 qua cầu Triều Dương đi Hà Nội, Tuyên Quang, Điện Biên

+ Theo QL39 - đường Thái Bình - Hà Nam (sau khi hoàn thành) ra QL10 qua cầu Nghìn đi Hải Phòng, Quảng Ninh.

+ Theo đường Thái Bình - Hà Nam qua cầu Thái Hà (sau khi hoàn thành) đi Đắc Nông, Đắc Lắc, Kon Tum, Phú Yên, Bình Phước, Bình Dương.

- ***Bến xe Trung tâm Thái Thụy*** phục vụ một số tuyến liên tỉnh, nội tỉnh và xe buýt. Các tuyến liên tỉnh đi theo hướng tuyến và đi các tỉnh, thành phố sau:

+ Theo QL 37 qua cầu sông Hóa; Theo đường Thái Bình - Hà Nam (sau khi hoàn thành) ra QL10 qua cầu Nghìn đi Hải Phòng, Quảng Ninh.

+ Theo đường Thái Bình - Hà Nam (sau khi hoàn thành) đi Hà Nội, Thái Nguyên, Yên Bái, Tuyên Quang, Điện Biên.

+ Theo QL39, QL10 qua cầu Tân Đệ hành trình đi theo đường tránh khu vực Trung tâm TP Thái Bình (đường S1) đi Đắc Lắc, Đắc Nông, Bình Phước, Bình Dương, Bà Rịa Vũng Tàu, Kiên Giang.

- ***Bến xe Thị trấn Tiền Hải*** phục vụ một số tuyến liên tỉnh, nội tỉnh và xe buýt. Các tuyến liên tỉnh đi theo hướng tuyến và đi các tỉnh, thành phố sau:

+ Theo QL10 qua cầu Nghìn hành trình tránh khu vực Trung tâm TP Thái Bình theo đường vành đai phía Nam (sau khi hoàn thành) đi Hải Phòng, Quảng Ninh, Bắc Ninh, Lạng Sơn, Tuyên Quang, Hà Giang, Yên Bái, Cao Bằng.

+ Theo QL10 qua Cầu Tân Đệ hành trình tránh khu vực Trung tâm TP Thái Bình theo đường vành đai phía Nam (sau khi hoàn thành) đi Hà Nội, Hòa Bình, Thái Nguyên, Phú Thọ, Yên Bái, Lào Cai, Điện Biên, Đắc Lắc, Bà Rịa Vũng Tàu, Bình Dương, Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Bến xe Đông Hưng*** phục vụ một số tuyến liên tỉnh, nội tỉnh và xe buýt. Các tuyến liên tỉnh đi theo hướng tuyến và đi các tỉnh, thành phố sau:

+ Theo QL39 qua cầu Triều Dương đi Hà Nội, Phú Thọ, Thái Nguyên, Hòa Bình, Tuyên Quang, Yên Bái

+ Theo QL10 qua cầu Nghìn đi Hải Phòng, Quảng Ninh.

+ Theo QL10 hành trình đi theo đường tránh khu vực Trung tâm TP Thái Bình (đường S1) qua cầu Tân Đệ đi Gia Lai, Đắc Lắc, Đắc Nông, Bình Phước, Kiên Giang.

- ***Bến xe Bồng Tiên*** phục vụ một số tuyến liên tỉnh, nội tỉnh và xe buýt. Các tuyến liên tỉnh đi theo hướng tuyến và đi các tỉnh, thành phố sau:

+ Theo QL10 qua Cầu Tân Đệ đi Hà Nội, Thái Nguyên, Lạng Sơn

+ Theo QL10, hành trình đi theo đường tránh khu vực Trung tâm TP Thái Bình (đường S1) qua Cầu Nghìn đi Hải Phòng, Quảng Ninh

- ***Bến xe Quỳnh Côi*** phục vụ một số tuyến liên tỉnh, nội tỉnh và xe buýt. Thực hiện điều chuyển các tuyến đi Sơn La, Lào Cai, Đắc Lắc, Lai Châu về bến

xe Hưng Hà và bến xe Thành phố Thái Bình. Các tuyến liên tỉnh đi theo hướng tuyến và đi các tỉnh, thành phố sau:

+ Theo QL10 qua cầu Nghìn đi Hải Phòng, Quảng Ninh

+ Theo ĐT 217 qua cầu Hiệp đi Hà Nội, Thái Nguyên

+ Theo ĐT 216 - đường Thái Bình - Hà Nam (sau khi hoàn thành) qua cầu Thái Hà đi Hà Nội

- ***Bến xe Kiến Xương*** phục vụ một số tuyến liên tỉnh, nội tỉnh và xe buýt. Các tuyến liên tỉnh đi theo hướng tuyến và đi các tỉnh, thành phố sau:

+ Theo QL10 qua cầu Nghìn hành trình tránh khu vực Trung tâm TP Thái Bình theo đường vành đai phía Nam (sau khi hoàn thành) đi Hải Phòng, Hải Dương, Quảng Ninh, Hà Giang.

+ Theo QL10 qua Cầu Tân Đệ hành trình tránh khu vực Trung tâm TP Thái Bình theo đường vành đai phía Nam (sau khi hoàn thành) đi Hà Nội, Thái Nguyên, Yên Bái, Lai Châu, Bình Phước, Bình Dương, Thành phố Hồ Chí Minh, Kiên Giang.

b. Bến xe nội tỉnh, trung chuyển

Sắp xếp 03 bến xe: ***Hưng Nhân, Nam Trung, Chợ Lục*** phục vụ các tuyến nội tỉnh, trung chuyển (tuyến vận tải khách nội tỉnh từ các bến này đi bến xe Trung tâm TP Thái Bình, tuyến nội tỉnh vành đai giữa các bến này với nhau, tuyến xe buýt, xe trung chuyển, xe taxi, bãi đỗ).

c. Kết quả tổng số lượt xe tuyến liên tỉnh giai đoạn 2015-2020 thể hiện qua bảng

TT	Bến xe	Tổng số lượt xe xuất bến hiện tại		Tổng số lượt xe xuất bến sau sắp xếp		Tổng số lượt xe xuất bến dự tính đến năm 2020	
		lượt /tháng	lượt /ngày	lượt /tháng	lượt /ngày	lượt /tháng	lượt /ngày
1	Trung tâm Thành phố	10802	360	10864	362	16296	543
2	Hoàng Hà	4530	151	4530	151	6795	227
3	Hưng Hà	1223	41	1285	43	1928	64
4	Hưng Nhân	0	0	0	0	0	0
5	Thái Thụy	1585	53	2120	71	3180	106
6	Chợ Lục	535	18	0	0	0	0
7	Tiền Hải	2465	82	2915	97	4373	146
8	Nam Trung	450	15	0	0	0	0
9	Đông Hưng	1430	48	1430	48	2145	72
10	Bồng Tiên	570	19	570	19	855	29
11	Quỳnh Côi	1385	46	1260	42	1890	63
12	Kiến Xương	1386	46	1386	46	2079	69

2.2. Giai đoạn sau năm 2020

a. Căn cứ vào lưu lượng hành khách, đặc điểm vị trí các bến xe, tránh chồng chéo luồng tuyến, giai đoạn này thực hiện một số nội dung sau: bố trí các tuyến vận tải khách liên tỉnh có cự ly từ 300 km trở lên về hoạt động tại 04 bến xe vùng (Bến xe phía tây thành phố Thái Bình, Hưng Hà, Thái Thụy, Tiền Hải); chuyển các tuyến trên 300km (từ bến xe Kiến Xương về bến phía tây thành phố, từ bến Đông Hưng về bến xe phía tây thành phố, Hưng Hà); điều chỉnh tuyến liên tỉnh tại 04 bến xe vùng phù hợp sự phát triển của mạng lưới giao thông; điều chuyển toàn bộ các tuyến liên tỉnh (trừ tuyến Hà Nội) về bến xe phía tây thành phố. Cụ thể:

- Bến xe phía tây thành phố Thái Bình sau khi được đầu tư, hoàn thành đưa vào khai thác sẽ chuyển các tuyến liên tỉnh tại bến xe khách Trung tâm thành phố ra Bến xe phía tây thành phố hoạt động (trừ tuyến Hà Nội). Bến Trung tâm thành phố trở thành bến vận tải tuyến chất lượng cao Thái Bình - Hà Nội, các tuyến buýt và nội tỉnh. Các tuyến liên tỉnh tại bến xe phía tây thành phố đi theo QL10 - QL39 qua cầu Triều Dương; theo QL10 qua cầu Tân Đệ; theo QL10 qua cầu Nghìn.

- Bến xe Thị trấn Hưng Hà: Các tuyến liên tỉnh đi theo QL39 qua cầu Triều Dương; đi theo đường Thái Bình - Hà Nam ra QL10 qua cầu Nghìn; đi theo đường Thái Bình - Hà Nam qua cầu Thái Hà. Các tuyến liên tỉnh trên 300km đi các tỉnh Tây Bắc, Đông Bắc (Lai Châu, Điện Biên, Sơn La, Lào Cai, Hà Giang, Tuyên Quang) và các tỉnh miền Trung, miền Nam.

- Bến xe Trung tâm Thái Thụy: Các tuyến tuyến liên tỉnh đi theo đường Thái Bình - Hà Nam ra QL10 qua cầu Nghìn; đi theo QL37; đi theo tuyến đường Thái Bình - Hà Nam qua cầu Thái Hà; đi theo cao tốc ven biển. Các tuyến liên tỉnh trên 300km đi các tỉnh Tây Bắc, Đông Bắc (Yên Bái, Tuyên Quang, Hà Giang, Cao Bằng, Bắc Cạn) và các tỉnh miền Trung, miền Nam.

- Bến xe Thị trấn Tiền Hải: Các tuyến liên tỉnh đi theo QL37B ra QL37 qua cầu Sông Hóa; đi theo cao tốc ven biển; đi theo QL10 qua Cầu Tân Đệ hành trình đi theo đường vành đai phía Nam tránh khu vực Trung tâm TP Thái Bình; Các tuyến liên tỉnh trên 300km đi các tỉnh Đông Bắc (Quảng Ninh, Lạng Sơn, Thái Nguyên) và các tỉnh miền Trung, miền Nam.

b. Kết quả tổng số lượt xe tuyến liên tỉnh giai đoạn sau 2020 thể hiện qua bảng

TT	Bến xe	Tổng số lượt xe xuất bến dự tính đến năm 2020		Tổng số lượt xe xuất bến dự tính sau năm 2020	
		lượt/tháng	lượt/ngày	lượt/tháng	lượt/ngày
I	**Bến xe vùng**				
1	Bến xe phía Tây	0	0	6648	222
2	Hưng Hà	1928	64	2237	75
3	Thái Thụy	3180	106	2952	98

TT	Bến xe	Tổng số lượt xe xuất bến dự tính đến năm 2020		Tổng số lượt xe xuất bến dự tính sau năm 2020	
		lượt/tháng	lượt/ngày	lượt/tháng	lượt/ngày
4	Tiền Hải	4373	146	3800	127
II	**Bến xe liên tỉnh hoạt động dưới 300 km**				
1	Trung tâm Thành phố	16296	543	10557	352
2	Hoàng Hà	6795	227	6795	227
3	Đông Hưng	2145	72	1983	66
4	Bồng Tiên	855	29	855	29
5	Quỳnh Côi	1890	63	1890	63
6	Kiến Xương	2079	69	1729	58

2.3. Thời gian điều chuyển các tuyến liên tỉnh

- Trước ngày 31/3/2016 hoàn thành việc điều chuyển, sắp xếp các tuyến vận tải khách liên tỉnh theo nội dung 2.1, mục II, phần II của đề án.

- Trước ngày 31/12/2015 hoàn thành việc điều chuyển, sắp xếp các tuyến vận tải khách có cự ly từ 300 km trở lên tại một số bến xe không đạt tiêu chuẩn về bến xe đạt tiêu chuẩn theo Thông tư 49/2012/TT-BGTVT.

III. MÔ HÌNH QUẢN LÝ BẾN XE Ô TÔ KHÁCH

Theo quy định của Luật Giao thông đường bộ, đơn vị trực tiếp quản lý, khai thác bến xe khách là doanh nghiệp, hợp tác xã. Thực tế hiện nay, trên cả nước đang tồn tại hai mô hình quản lý: Bến xe do các doanh nghiệp, hợp tác xã đầu tư, khai thác và bến xe do đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở GTVT hoặc UBND huyện quản lý.

Thực tiễn tại các tỉnh Quảng Ninh, Hải Phòng, Hà Nội, Đà Nẵng, Gia Lai, Lào Cai... phần lớn các bến xe đã chuyển đổi sang mô hình doanh nghiệp khai thác quản lý và hoạt động có hiệu quả.

Như vậy, theo quy định và từ thực tiễn hoạt động của các bến xe đã chuyển đổi thì việc chuyển đổi mô hình hoạt động của các bến xe trên địa bàn tỉnh là yêu cầu cấp thiết.

1. Mô hình quản lý bến xe trên địa bàn tỉnh Thái Bình

a. Các bến đã xã hội hóa hiện đang hoạt động theo mô hình doanh nghiệp: Giữ nguyên mô hình quản lý, bao gồm các bến xe Hoàng Hà, Đông Hưng, Quỳnh Côi, Bồng Tiên.

b. Các bến xe do Ban Quản lý, đơn vị sự nghiệp thuộc Uỷ ban nhân dân các huyện quản lý: Thực hiện bán để chuyển đổi mô hình hoạt động sang mô hình doanh nghiệp theo quy định của Luật doanh nghiệp.

c. Bến xe khách trung tâm thành phố Thái Bình

Thực hiện chuyển đổi từ mô hình Ban Quản lý sang mô hình Công ty cổ phần thời gian đầu để đảm bảo ổn định Nhà nước nắm giữ 51% vốn sau đó hàng năm sẽ thực hiện thoái vốn nhà nước theo kế hoạch.

2. Thời gian hoàn thành việc chuyển đổi mô hình

Thời gian hoàn thành chuyển đổi mô hình tổ chức quản lý các bến xe trên địa bàn tỉnh, trước tháng 7/2016.

Phần thứ ba

MỘT SỐ GIẢI PHÁP ĐỂ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

I. Giải pháp về cơ chế chính sách thu hút xã hội hóa đầu tư và khai thác bến xe khách

Căn cứ khái toán kinh phí xây dựng cải tạo nâng cấp các bến xe khai thác liên tỉnh giai đoạn 2015-2020 là 74 tỷ đồng (*Phụ lục 8 - Dự kiến kinh phí cải tạo, nâng cấp, đầu tư các bến xe*); Căn cứ doanh thu thực tế từ hoạt động của các bến xe hàng năm chỉ đạt mức trên 10 tỷ đồng (năm 2013 là 10.672 triệu đồng - *Phụ lục 9 - Tổng Doanh thu của các bến xe*). Để đề án có tính khả thi cần thực hiện cơ chế chính sách thu hút xã hội hóa đầu tư và khai thác bến xe khách trên địa bàn tỉnh Thái Bình như sau:

- Thực hiện theo Quyết định số 12/2015/QĐ-TTg ngày 16/4/2015 của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế, chính sách thu hút xã hội hóa đầu tư và khai thác bến xe khách.

- Ngoài ra, UBND có chính sách hỗ trợ, ưu đãi các nhà đầu tư, khai thác bến xe trên địa bàn tỉnh như sau:

+ Hỗ trợ kinh phí giải phóng mặt bằng, lấp trũng, đường ra vào bến, công trình hỗ trợ (cấp thoát nước, điện chiếu sáng), tái định cư.

+ Hỗ trợ về khoa học công nghệ, phần mềm phục vụ quá trình quản lý.

II. Giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động, tăng cường ứng dụng khoa học công nghệ tại các bến xe

- Điều tiết luồng tuyến tại các bến xe theo hướng ưu tiên tổ chức vận tải liên tỉnh tại các bến xe có cơ sở vật chất và ứng dụng khoa học công nghệ tốt, đặc biệt là các bến xe trung tâm.

- Tăng cường đầu tư các thiết bị công nghệ và ứng dụng phần mềm quản lý để nâng cao hiệu quả công tác quản lý hoạt động tại các bến xe.

+ Đối với bến xe loại 1 và loại 2: bán vé điện tử kết hợp ứng dụng kiểm soát vé thông minh như sử dụng vé thẻ, vé có kết nối với các phương thức vận tải khác.

+ Đối với các bến xe loại 3 và loại 4 trở lên, bắt buộc niêm yết điện tử các thông tin gồm: chất lượng dịch vụ, biểu đồ chạy xe, giá vé, giờ xe xuất bến và đều phải xây dựng, vận hành trang thông tin điện tử có phản hồi ý kiến của hành khách, khách hàng.

+ Mỗi bến xe sẽ nghiên cứu để ứng dụng phần mềm quản lý hoạt động nội bộ của bến để kiểm soát an toàn và an ninh trật tự.

III. Giải pháp về tăng cường quản lý nhà nước

Các Sở, ban, ngành, địa phương tăng cường chỉ đạo các lực lượng chức năng, lực lượng tuần tra, kiểm soát tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát, xử

lý các trường hợp, đơn vị vi phạm trong hoạt động vận tải khách để kiểm soát có hiệu quả hoạt động vận tải.

IV. Giải pháp về nhân lực

- Trên cơ sở vị trí việc làm và cơ cấu, tổ chức bộ máy, lựa chọn nhân lực có trình độ, kinh nghiệm, năng lực công tác để bố trí sắp xếp. Ưu tiên sử dụng nhân lực hiện đang làm việc tại đơn vị.

- Xây dựng, đào tạo đội ngũ cán bộ đáp ứng yêu cầu về số lượng, chuyên môn nghiệp vụ và năng lực quản lý.

V. Giải pháp về quy hoạch

- Rà soát quy hoạch bến xe đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030, đảm bảo có các vị trí quy hoạch bến xe phù hợp, ổn định, lâu dài.

- Sở Giao thông vận tải thực hiện rà soát và công bố kết quả sắp xếp lại mạng lưới luồng tuyến, doanh nghiệp và phương tiện hoạt động tại các bến xe phù hợp với định hướng và yêu cầu phát triển chung, tạo điều kiện cho các bến xe khai thác hiệu quả.

PHẦN IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

I. Các sở, ban, ngành

- Sở Giao thông vận tải chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố xây dựng kế hoạch chi tiết thực hiện đề án theo từng giai đoạn; đôn đốc, kiểm tra kết quả thực hiện, tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh; tham mưu việc chuyển đổi mô hình quản lý của Ban Quản lý Bến xe khách trung tâm thành phố Thái Bình.

- Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì phối hợp với Sở Tài chính, các ngành liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí, cân đối nguồn vốn để thực hiện cổ phần hóa, xã hội hóa bến xe.

- Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân việc hỗ trợ lãi suất vốn vay cho phát triển hệ thống bến xe ô tô của tỉnh khi thực hiện xã hội hóa.

- Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với Sở Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện các thủ tục về đất khi chuyển đổi mô hình các bến xe.

- Sở Xây dựng chủ trì phối hợp với các sở ban ngành trong lĩnh vực quy hoạch chuyên ngành và các vấn đề khác có liên quan.

- Cục Thuế tỉnh chủ trì phối hợp với các sở ban ngành trong lĩnh vực thuế và các vấn đề có liên quan khi thực hiện xã hội hóa bến xe.

- Sở Thông tin và Truyền thông, Đài Phát thanh và Truyền hình Thái Bình, Báo Thái Bình tăng cường tuyên truyền chủ trương, chính sách của Nhà nước, của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc xã hội hóa bến xe.

- Các sở ban ngành liên quan: Theo chức năng nhiệm vụ được giao, phối hợp thực hiện theo từng giai đoạn và hướng dẫn các tổ chức cơ sở triển khai thực hiện, phối hợp theo dõi giám sát quá trình thực hiện tham mưu, đề xuất với

Ủy ban nhân dân tỉnh các cơ chế, chính sách, giải pháp thực hiện theo nội dung đề án được duyệt.

II. UBND các huyện, thành phố

- Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố chủ trì phối hợp với Sở Giao thông Vận tải và các sở, ngành liên quan thực hiện việc chuyển đổi mô hình hoạt động từ Ban Quản lý, đơn vị sự nghiệp của các bến xe do Ủy ban nhân dân huyện quản lý sang hoạt động theo mô hình của Luật Doanh nghiệp theo đúng thời gian thực hiện.

- Phối hợp với Sở Giao thông vận tải và các sở, ngành liên quan triển khai xây dựng kế hoạch, phương án thực hiện nội dung của đề án theo từng giai đoạn ở địa phương.

- Quy hoạch, bố trí quỹ đất hợp lý (về vị trí, diện tích) dành cho các bến đầu cuối của các tuyến xe buýt để phục vụ thuận lợi cho việc trung chuyển hành khách khi thực hiện sắp xếp các luồng tuyến vận tải.

Phụ lục 1 - Hiện trạng hệ thống bến xe ô tô khách

TT	Bến xe	Đơn vị QLKT&KD bến	Loại bến (TT24)	Tổng DT bến (m^2)
1	TP Thái Bình	Ban Quản lý bến xe bến sông Thái Bình - đơn vị sự nghiệp thuộc Sở GTVT TB	**1**	**15.000**
2	Hoàng Hà	Công ty cổ phần Hoàng Hà	**2**	**10.584**
3	Bồng Tiên	Doanh nghiệp tư nhân Mai Tuyên	**4**	**4.450**
4	Thái Thụy	BQL bến xe khách huyện Thái Thụy - đơn vị sự nghiệp có thu không bù chi thuộc UBND huyện Thái Thụy.	**3**	**5.700**
5	Chợ Lục		**5**	**2.600**
6	Đông Hưng	Công ty CP cơ khí và vận tải hành khách hành khách Đông Hưng	**4**	**4.000**
7	Quỳnh Côi	Công ty CP xây dựng GTVT số I	**6**	**900**
8	Kiến Xương (vị trí cũ)	Phòng Công Thương huyện Kiến Xương	**6**	**871**
	Kiến Xương (vị trí mới)			**5000**
	Bến Lụ		Diện tích nhỏ, và chưa đủ các điều kiện để công bố	
	Bến Gốc			
9	Hưng Hà (vị trí cũ)	Phòng Công Thương huyện Hưng Hà	**5**	**1.718**
	Hưng Hà (vị trí mới)			**5000**
10	Hưng Nhân (vị trí cũ)		**6**	**750**
	Hưng Nhân (vị trí mới)			**5000**
11	Tiền Hải	Phòng Công Thương huyện Tiền Hải	**4**	**2.900**
12	Nam Trung		**5**	**2.500**
13	Đông Long		**6**	**672**
14	Đông Hoàng		**6**	**500**

Nguồn: Phòng ban chức năng của Sở GTVT, PCT các huyện - năm 2015

Phụ lục 2 - Tần suất xe chạy và lượng khách của các tuyến nội tỉnh

TT	Bến đi	Bến đến	Tần suất trung bình (lượt xe/ng.đ)	Số lượng khách (lượt hk/ng.đ)
1	TP Thái Bình	Thái Thụy	18	384
2	TP Thái Bình	Chợ Lục	4	88
3	TP Thái Bình	Nam Trung	30	578
4	TP Thái Bình	Đông Xuyên	8	144
5	TP Thái Bình	Nam Hải	6	116
6	TP Thái Bình	Đông Hoàng	2	44
7	TP Thái Bình	Hưng Hà	16	319
8	Quỳnh Côi	TP Thái Bình	4	87

Nguồn: Phòng ban chức năng của Sở GTVT, PCT các huyện

Phụ lục 3 - Danh sách tuyến liên tỉnh và tần suất xe chạy của các bến xe

Tuyến số	tt	Bến xe đi	Bến xe đến	Tỉnh nơi đến	Cự ly tuyến (km)	Tổng số lượt xe xb /tháng	Trung bình tổng số lượt xe xb /ngày
Bến xe Bồng Tiên							
1	1	Bồng Tiên	Cầu Rào	Hải Phòng	73	60	
2	2	Bồng Tiên	Giáp Bát	TP Hà Nội	100	240	
3	3	Bồng Tiên	Mỹ Đình	TP Hà Nội	108	90	
4	4	Bồng Tiên	Cửa Ông	Quảng Ninh	175	60	
5	5	Bồng Tiên	Mông Dương	Quảng Ninh	179	30	
6	6	Bồng Tiên	Đại Từ	Thái Nguyên	180	30	
7	7	Bồng Tiên	Thái Nguyên (Đồng Quang)	Thái Nguyên	180	30	
8	8	Bồng Tiên	Tân Thanh	Lạng Sơn	230	30	
		Tổng				**570**	**19**
Bến xe Chợ Lục							
9	1	Chợ Lục	Cầu Rào	Hải Phòng	70	26	
10	2	Chợ Lục	Giáp Bát	TP Hà Nội	127	90	
11	3	Chợ Lục	Yên Nghĩa	TP Hà Nội	130	30	
12	4	Chợ Lục	Mỹ Đình	TP Hà Nội	136	240	
13	5	Chợ Lục	Mông Dương	Quảng Ninh	171	30	
14	6	Chợ Lục	Cái Rồng	Quảng Ninh	176	30	
15	7	Chợ Lục	Đại Từ	Thái Nguyên	230	26	
16	8	Chợ Lục	Móng Cái	Quảng Ninh	286	33	
17	9	Chợ Lục	Mường La	Sơn La	417	30	
		Tổng				**535**	**18**
Bến xe Đông Hưng							
18	1	Đông Hưng	Niệm Nghĩa	Hải Phòng	56	26	
19	2	Đông Hưng	Cầu Rào	Hải Phòng	57	52	
20	3	Đông Hưng	Gia Lâm	TP Hà Nội	89	78	
21	4	Đông Hưng	Giáp Bát	TP Hà Nội	114	180	
22	5	Đông Hưng	Yên Nghĩa	TP Hà Nội	121	150	
23	6	Đông Hưng	Mỹ Đình	TP Hà Nội	124	270	
24	7	Đông Hưng	Trạm Trôi (Hoài Đức)	TP Hà Nội	126	30	
25	8	Đông Hưng	Cửa Ông	Quảng Ninh	159	30	
26	9	Đông Hưng	Sơn Tây	TP Hà Nội	160	30	
27	10	Đông Hưng	Mông Dương	Quảng Ninh	163	30	
28	11	Đông Hưng	Việt Trì	Phú Thọ	184	26	
29	12	Đông Hưng	Đu (Phú Lương)	Thái Nguyên	184	60	

Tuyến số	tt	Bến xe đi	Bến xe đến	Tỉnh nơi đến	Cự ly tuyến (km)	Tổng số lượt xe xb /tháng	Trung bình tổng số lượt xe xb /ngày
30	13	Đông Hưng	Đại Từ	Thái Nguyên	193	60	
31	14	Đông Hưng	Thái Nguyên (Đồng Quang)	Thái Nguyên	193	26	
32	15	Đông Hưng	Hòa Bình	Hòa Bình	196	86	
33	16	Đông Hưng	Tiên Yên	Quảng Ninh	203	30	
34	17	Đông Hưng	Sơn Dương	Tuyên Quang	228	30	
35	18	Đông Hưng	Bình Liêu	Quảng Ninh	270	26	
36	19	Đông Hưng	Văn Chấn	Yên Bái	277	15	
37	20	Đông Hưng	Móng Cái	Quảng Ninh	288	71	
38	21	Đông Hưng	Nghĩa Lộ	Yên Bái	295	15	
39	22	Đông Hưng	Krông Pa	Gia Lai	1218	10	
40	23	Đông Hưng	PB Buôn Ma Thuột	Đắk Lắk	1289	6	
41	24	Đông Hưng	Gia Nghĩa	Đắk Nông	1394	7	
42	25	Đông Hưng	Đắk R'Lấp (Kiến Đức)	Đắk Nông	1400	6	
43	26	Đông Hưng	Trường Hải Bình Phước	Bình Phước	1524	15	
44	27	Đông Hưng	Thành Công Phước Long	Bình Phước	1859	60	
45	28	Đông Hưng	Hà Tiên	Kiên Giang	2100	5	
		Tổng				**1430**	**48**
Bến xe Hoàng Hà							
46	1	Hoàng Hà	Lương Yên	TP Hà Nội	107	1800	
47	2	Hoàng Hà	Yên Nghĩa	TP Hà Nội	111	1350	
48	3	Hoàng Hà	Cẩm Hải	Quảng Ninh	160	600	
49	4	Hoàng Hà	Cẩm Phả	Quảng Ninh	167	720	
50	5	Hoàng Hà	Phù Yên	Sơn La	280	30	
51	6	Hoàng Hà	Miền Đông	TP HCM	1582	30	
		Tổng				**4530**	**151**
Bến xe Hưng Hà							
52	1	Hưng Hà	Niệm Nghĩa	Hải Phòng	69	26	
53	2	Hưng Hà	Mỹ Đình	TP Hà Nội	69	120	
54	3	Hưng Hà	Cầu Rào	Hải Phòng	75	51	
55	4	Hưng Hà	Gia Lâm	TP Hà Nội	78	146	
56	5	Hưng Hà	Giáp Bát	TP Hà Nội	79	30	
57	6	Hưng Hà	Yên Nghĩa	TP Hà Nội	94	56	
58	7	Hưng Hà	Sơn Tây	TP Hà Nội	156	52	
59	8	Hưng Hà	Cửa Ông	Quảng Ninh	176	262	

Tuyến số	tt	Bến xe đi	Bến xe đến	Tỉnh nơi đến	Cự ly tuyến (km)	Tổng số lượt xe xb /tháng	Trung bình tổng số lượt xe xb /ngày
60	9	Hưng Hà	Mông Dương	Quảng Ninh	181	90	
61	10	Hưng Hà	Cái Rồng	Quảng Ninh	186	176	
62	11	Hưng Hà	Tuyên Quang	Tuyên Quang	258	12	
63	12	Hưng Hà	Hàm Yên	Tuyên Quang	259	15	
64	13	Hưng Hà	Móng Cái	Quảng Ninh	306	63	
65	14	Hưng Hà	Điện Biên Phủ	Điện Biên	600	26	
66	15	Hưng Hà	Kon Tum	Kon Tum	1050	20	
67	16	Hưng Hà	Quảng Phú (Cư M'Gar)	Đắk Lắk	1365	12	
68	17	Hưng Hà	Đắk R'Lấp (Kiến Đức)	Đắk Nông	1400	6	
69	18	Hưng Hà	Gia Nghĩa	Đắk Nông	1412	19	
70	19	Hưng Hà	Sơn Hòa	Phú Yên	1701	6	
71	20	Hưng Hà	Bình Dương	Bình Dương	1754	20	
72	21	Hưng Hà	Thành Công Phước Long	Bình Phước	1982	15	
		Tổng				**1223**	**41**
Bến xe Kiến Xương							
73	1	Kiến Xương	Cầu Rào	Hải Phòng	80	150	
74	2	Kiến Xương	Sao Đỏ (Chí Linh)	Hải Dương	85	30	
75	3	Kiến Xương	Giáp Bát	TP Hà Nội	111	508	
76	4	Kiến Xương	Yên Nghĩa	TP Hà Nội	123	30	
77	5	Kiến Xương	Mỹ Đình	TP Hà Nội	127	146	
78	6	Kiến Xương	Lương Yên	TP Hà Nội	140	25	
79	7	Kiến Xương	Thái Nguyên (Đồng Quang)	Thái Nguyên	172	30	
80	8	Kiến Xương	Cửa Ông	Quảng Ninh	182	100	
81	9	Kiến Xương	Mông Dương	Quảng Ninh	187	75	
82	10	Kiến Xương	Đại Từ	Thái Nguyên	198	45	
83	11	Kiến Xương	Định Hóa	Thái Nguyên	250	15	
84	12	Kiến Xương	Chợ Chùa	Yên Bái	300	30	
85	13	Kiến Xương	Móng Cái	Quảng Ninh	311	45	
86	14	Kiến Xương	PN Hà Giang	Hà Giang	411	28	
87	15	Kiến Xương	Lai Châu	Lai Châu	593	30	
88	16	Kiến Xương	Lộc Ninh	Bình Phước	1547	20	
89	17	Kiến Xương	Ngã Tư Ga	TP HCM	1590	10	
90	18	Kiến Xương	Bình Dương	Bình Dương	1700	6	
91	19	Kiến Xương	Miền Đông	TP HCM	1718	33	

Tuyến số	tt	Bến xe đi	Bến xe đến	Tỉnh nơi đến	Cự ly tuyến (km)	Tổng số lượt xe xb /tháng	Trung bình tổng số lượt xe xb /ngày
92	20	Kiến Xương	Kiên Lương	Kiên Giang	2004	15	
93	21	Kiến Xương	Hà Tiên	Kiên Giang	2059	15	
		Tổng				**1386**	**46**
Bến xe Nam Trung							
94	1	Nam Trung	Cầu Rào	Hải Phòng	90	60	
95	2	Nam Trung	Giáp Bát	Hà Nội	133	180	
96	3	Nam Trung	Mỹ Đình	Hà Nội	143	90	
97	4	Nam Trung	Yên Nghĩa	Hà Nội	170	30	
98	5	Nam Trung	Cẩm Phả	Quảng Ninh	180	30	
99	6	Nam Trung	Cửa Ông	Quảng Ninh	180	30	
100	7	Nam Trung	Mông Dương	Quảng Ninh	180	30	
		Tổng				**450**	**15**
Bến xe Quỳnh Côi							
101	1	Quỳnh Côi	Niệm Nghĩa	Hải Phòng	46	120	
102	2	Quỳnh Côi	Mỹ Đình	TP Hà Nội	69	420	
103	3	Quỳnh Côi	Sơn Tây	TP Hà Nội	88	30	
104	4	Quỳnh Côi	Gia Lâm	TP Hà Nội	89	112	
105	5	Quỳnh Côi	Yên Nghĩa	TP Hà Nội	95	146	
106	6	Quỳnh Côi	Phùng (Đan Phượng)	TP Hà Nội	115	84	
107	7	Quỳnh Côi	Giáp Bát	TP Hà Nội	126	112	
108	8	Quỳnh Côi	Thái Nguyên (Đồng Quang)	Thái Nguyên	143	90	
109	9	Quỳnh Côi	Cửa Ông	Quảng Ninh	157	60	
110	10	Quỳnh Côi	Cái Rồng	Quảng Ninh	189	56	
111	11	Quỳnh Côi	Mông Dương	Quảng Ninh	220	30	
112	12	Quỳnh Côi	Mộc Châu	Sơn La	275	48	
113	13	Quỳnh Côi	Mường La	Sơn La	400	30	
114	14	Quỳnh Côi	Lào Cai	Lào Cai	410	7	
115	15	Quỳnh Côi	Lai Châu	Lai Châu	596	26	
116	16	Quỳnh Côi	Krông Ana	Đắk Lắk	1300	14	
		Tổng				**1385**	**46**
Bến xe Thái Thụy							
117	1	Thái Thụy	Niệm Nghĩa	Hải Phòng	48	180	
118	2	Thái Thụy	Tam Bạc	Hải Phòng	48	30	
119	3	Thái Thụy	Cầu Rào	Hải Phòng	85	25	
120	4	Thái Thụy	Gia Lâm	TP Hà Nội	119	26	
121	5	Thái Thụy	Giáp Bát	TP Hà Nội	130	339	

Tuyến số	tt	Bến xe đi	Bến xe đến	Tỉnh nơi đến	Cự ly tuyến (km)	Tổng số lượt xe xb /tháng	Trung bình tổng số lượt xe xb /ngày
122	6	Thái Thụy	Yên Nghĩa	TP Hà Nội	140	86	
123	7	Thái Thụy	Mỹ Đình	TP Hà Nội	141	180	
124	8	Thái Thụy	Cửa Ông	Quảng Ninh	160	200	
125	9	Thái Thụy	Mông Dương	Quảng Ninh	165	60	
126	10	Thái Thụy	Cái Rồng	Quảng Ninh	170	30	
127	11	Thái Thụy	Thái Nguyên (Đồng Quang)	Thái Nguyên	173	77	
128	12	Thái Thụy	Sơn Tây	TP Hà Nội	178	56	
129	13	Thái Thụy	Đình Cả (Võ Nhai)	Thái Nguyên	182	30	
130	14	Thái Thụy	Yên Bái	Yên Bái	270	30	
131	15	Thái Thụy	Móng Cái	Quảng Ninh	289	96	
132	16	Thái Thụy	Chiêm Hóa	Tuyên Quang	400	13	
133	17	Thái Thụy	Tuần Giáo	Điện Biên	470	15	
134	18	Thái Thụy	Điện Biên Phủ	Điện Biên	620	30	
135	19	Thái Thụy	M'Đrăk	Đắk Lắk	1301	20	
136	20	Thái Thụy	Gia Nghĩa	Đắk Nông	1410	6	
137	21	Thái Thụy	Trường Hải Bình Phước	Bình Phước	1540	24	
138	22	Thái Thụy	Bình Dương	Bình Dương	1579	8	
139	23	Thái Thụy	Bình Long	Bình Phước	1606	5	
140	24	Thái Thụy	Vũng Tàu	Bà Rịa Vũng Tàu	1687	4	
141	25	Thái Thụy	Kiên Giang	Kiên Giang	1989	15	
		Tổng				**1585**	**53**
Bến xe Tiền Hải							
142	1	Tiền Hải	Cầu Rào	Hải Phòng	70	90	
143	2	Tiền Hải	Yên Nghĩa	TP Hà Nội	96	90	
144	3	Tiền Hải	Niệm Nghĩa	Hải Phòng	100	60	
145	4	Tiền Hải	Gia Lâm	TP Hà Nội	123	60	
146	5	Tiền Hải	Giáp Bát	TP Hà Nội	130	618	
147	6	Tiền Hải	Sơn Tây	TP Hà Nội	137	60	
148	7	Tiền Hải	Mỹ Đình	TP Hà Nội	145	476	
149	8	Tiền Hải	Bắc Ninh	Bắc Ninh	180	30	
150	9	Tiền Hải	Hòa Bình	Hòa Bình	184	26	
151	10	Tiền Hải	Bình An	Hòa Bình	190	30	
152	11	Tiền Hải	Cửa Ông	Quảng Ninh	191	30	
153	12	Tiền Hải	Mông Dương	Quảng Ninh	196	90	

Tuyến số	tt	Bến xe đi	Bến xe đến	Tỉnh nơi đến	Cự ly tuyến (km)	Tổng số lượt xe xb /tháng	Trung bình tổng số lượt xe xb /ngày
154	13	Tiền Hải	Thái Nguyên (Đồng Quang)	Thái Nguyên	206	120	
155	14	Tiền Hải	Việt Trì	Phú Thọ	231	86	
156	15	Tiền Hải	Đại Từ	Thái Nguyên	235	45	
157	16	Tiền Hải	Định Hóa	Thái Nguyên	260	15	
158	17	Tiền Hải	PB Lạng Sơn	Lạng Sơn	279	56	
159	18	Tiền Hải	Móng Cái	Quảng Ninh	320	75	
160	19	Tiền Hải	Mậu A (Văn Yên)	Yên Bái	340	15	
161	20	Tiền Hải	Na Hang	Tuyên Quang	400	30	
162	21	Tiền Hải	PN Hà Giang	Hà Giang	407	44	
163	22	Tiền Hải	Nghĩa Lộ	Yên Bái	412	30	
164	23	Tiền Hải	Cao Bằng	Cao Bằng	440	30	
165	24	Tiền Hải	Phố Mới	Lào Cai	460	120	
166	25	Tiền Hải	Sa Pa	Lào Cai	460	60	
167	26	Tiền Hải	Điện Biên Phủ	Điện Biên	620	30	
168	27	Tiền Hải	Ea Kar	Đắk Lắk	1400	14	
169	28	Tiền Hải	Vũng Tàu	Bà Rịa Vũng Tàu	1687	26	
170	29	Tiền Hải	Bình Dương	Bình Dương	1700	3	
171	30	Tiền Hải	Miền Đông	TP HCM	1731	6	
		Tổng				**2465**	**82**
Bến xe TP Thái Bình							
172	1	TP Thái Bình	Nam Định	Nam Định	18	930	
173	2	TP Thái Bình	Hải Dương	Hải Dương	65	540	
174	3	TP Thái Bình	Niệm Nghĩa	Hải Phòng	68	30	
175	4	TP Thái Bình	Cầu Rào	Hải Phòng	73	870	
176	5	TP Thái Bình	Gia Lâm	TP Hà Nội	90	1372	
177	6	TP Thái Bình	Nho Quan	Ninh Bình	96	30	
178	7	TP Thái Bình	Giáp Bát	TP Hà Nội	112	2370	
179	8	TP Thái Bình	PB Thanh Hóa	Thanh Hóa	115	30	
180	9	TP Thái Bình	Yên Nghĩa	TP Hà Nội	124	540	
181	10	TP Thái Bình	Mỹ Đình	TP Hà Nội	128	2520	
182	11	TP Thái Bình	Sơn Tây	TP Hà Nội	148	236	
183	12	TP Thái Bình	Bắc Giang	Bắc Giang	153	30	
184	13	TP Thái Bình	Thái Nguyên (Đồng Quang)	Thái Nguyên	159	277	
185	14	TP Thái Bình	Hòa Bình	Hòa Bình	175	86	
186	15	TP Thái Bình	Bắc Ninh	Bắc Ninh	180	30	

Tuyến số	tt	Bến xe đi	Bến xe đến	Tỉnh nơi đến	Cự ly tuyến (km)	Tổng số lượt xe xb /tháng	Trung bình tổng số lượt xe xb /ngày
187	16	TP Thái Bình	Việt Trì	Phú Thọ	200	90	
188	17	TP Thái Bình	Đại Từ	Thái Nguyên	200	30	
189	18	TP Thái Bình	PB Lạng Sơn	Lạng Sơn	239	82	
190	19	TP Thái Bình	PĐ Lạng Sơn	Lạng Sơn	240	52	
191	20	TP Thái Bình	Vinh	Nghệ An	256	45	
192	21	TP Thái Bình	Yên Bái	Yên Bái	263	28	
193	22	TP Thái Bình	Bắc Kạn	Bắc Kạn	276	30	
194	23	TP Thái Bình	Tuyên Quang	Tuyên Quang	281	27	
195	24	TP Thái Bình	Hàm Yên	Tuyên Quang	286	12	
196	25	TP Thái Bình	Bắc Yên	Sơn La	295	30	
197	26	TP Thái Bình	Lào Cai	Lào Cai	400	75	
198	27	TP Thái Bình	Sa Pa	Lào Cai	430	60	
199	28	TP Thái Bình	Sơn La	Sơn La	439	74	
200	29	TP Thái Bình	Lai Châu	Lai Châu	584	60	
201	30	TP Thái Bình	Điện Biên Phủ	Điện Biên	586	45	
202	31	TP Thái Bình	Nậm Nhùn	Lai Châu	618	41	
203	32	TP Thái Bình	Đà Nẵng	Đà Nẵng	724	25	
204	33	TP Thái Bình	Kon Tum	Kon Tum	1033	10	
205	34	TP Thái Bình	Đức Long	Gia Lai	1200	15	
206	35	TP Thái Bình	Lắk	Đắk Lắk	1256	6	
207	36	TP Thái Bình	PB Buôn Ma Thuột	Đắk Lắk	1274	15	
208	37	TP Thái Bình	Buôn Ma Thuột	Đắk Lắk	1287	15	
209	38	TP Thái Bình	Krông Ana	Đắk Lắk	1381	15	
210	39	TP Thái Bình	Lâm Đồng	Lâm Đồng	1500	4	
211	40	TP Thái Bình	Đức Long Bảo Lộc	Lâm Đồng	1506	5	
212	41	TP Thái Bình	Vũng Tàu	Bà Rịa Vũng Tàu	1656	5	
213	42	TP Thái Bình	Miền Đông	TP HCM	1699	12	
214	43	TP Thái Bình	Kiên Giang	Kiên Giang	1962	3	
		Tổng				**10802**	**360**
Tổng cộng (11 bến khai thác 214 tuyến liên tỉnh)						**26361**	**879**

Nguồn: Phòng ban chức năng của Sở GTVT, PCT các huyện - năm 2015

Phụ lục 4 - Quy chuẩn bến xe khách *(QCVN 45:2012/BGTVT)*

TT	Tiêu chí phân loại	Đơn vị tính	Loại bến xe khách theo QCVN 45:2012/BGTVT					
			Loại 1	**Loại 2**	**Loại 3**	**Loại 4**	**Loại 5**	**Loại 6**
1	Tổng diện tích (tối thiểu)	m^2	15.000	10.000	5.000	2.500	1.500	500
2	Số vị trí đón khác (tối thiểu)	Vị trí	30	25	20	10	5	3
3	Số vị trí trả khách (tối thiểu)	Vị trí	20	15	10	10	5	3
4	Diện tích bãi đỗ xe ôtô chờ vào vị trí đón khách (tối thiểu)	m^2	5.000	3.000	1.000	500	160	80
5	Diện tích bãi đỗ xe dành cho phương tiện khác	m^2	2000	1.500	900	400	50	30
6	Diện tích phòng chờ cho hành khách (tối thiểu)	m^2	500	300	150	100	50	30
7	Số chỗ ngồi tối thiểu khu vực phòng chờ cho hành khách	Chỗ	100	60	30	20	10	10
8	Hệ thống điều hòa, quạt điện khu vực phòng chờ cho hành khách (tối thiểu)	-	Đảm bảo nhiệt độ không vượt quá 30°C		Quạt điện	Quạt điện	Quạt điện	Quạt điện
9	Diện tích khu vực làm việc	-	Bình quân 4,5m^2/người					
10	Diện tích văn phòng dành cho Công an, Y tế, Thanh tra giao thông	-	Tối thiểu 20 m^2			Tối thiểu 10 m^2		
11	Diện tích khu vệ sinh	-	> 1 % Tổng diện tích xây dựng bến (Có nơi vệ sinh phục vụ người khuyết tật - TCXDVN 264:2002)					
12	Diện tích dành cho cây xanh, thảm cỏ	-	Tỷ lệ diện tích cây xanh, thảm cỏ tối thiểu 5% tổng diện tích.					
13	Đường xe ra, vào bến	-	riêng biệt	riêng biệt	riêng biệt	chung (rộng tối thiểu 7,5m)	chung (rộng tối thiểu 7,5m)	chung (rộng tối thiểu 7,5m)
14	Đường dẫn từ phòng chờ cho hành khách đến các vị trí đón, trả khách		Có mái che		Khuyến khích có mái che			
15	Mặt sân bến	-	Thảm nhựa hoặc bê tông có chiều dày tối thiểu 07 cm					

TT	Tiêu chí phân loại	Đơn vị tính	Loại bến xe khách theo QCVN 45:2012/BGTVT					
			Loại 1	Loại 2	Loại 3	Loại 4	Loại 5	Loại 6
16	Hệ thống cung cấp thông tin	Có hệ thống phát thanh, thông tin chỉ dẫn hành khách, lái xe, nhân viên phục vụ						

Nguồn: Quy chuẩn bến xe khách theo QCVN 45:2012/BGTVT

Phụ lục 5 - Cơ cấu hành chính dân số tỉnh Thái Bình

TT	Đơn vị hành chính	Số xã	Số phường, thị trấn	Diện tích (km^2)	Dân số (người)	Mật độ dân số (người/km^2)
1	Thành phố Thái Bình	9	10	67,71	185.100	2.734
2	Huyện Hưng Hà	33	2	210,29	248.500	1.182
3	Huyện Đông Hưng	43	1	196,05	233.100	1.189
4	Huyện Thái Thuỵ	47	1	265,84	248.700	936
5	Huyện Quỳnh Phụ	36	2	209,61	231.700	1.105
6	Huyện Tiền Hải	34	1	226,04	209.700	928
7	Huyện Kiến Xương	36	1	199,75	212.300	1.063
8	Huyện Vũ Thư	29	1	195,14	218.300	1.119

- Tổng số xã: 267, thị trấn: 9, phường: 10.
- Dân số: + Năm 2012: là 1.787.400 người;
  + Dự báo: + Năm 2015: là 1,820 triệu người;
  + Năm 2020: là 1,887 triệu người.

Nguồn : Niên giám thống kê tỉnh Thái Bình năm 2012

Phụ lục 6 - Danh sách vị trí các điểm dừng, đón trả khách

TT	Khu vực	Vị trí		Ghi chú
		Trái tuyến (T)	Phải tuyến (P)	
I	**Quốc lộ 10**			
1	Từ Km 59 đến Km 59+300	T		TT An Bài, Quỳnh Phụ, Thái Bình
2	Từ Km 60+500 đến Km 61+00		P	TT An Bài, Quỳnh Phụ, Thái Bình
3	Từ Km 69+300 đến Km 69+500	T		Xã Đông Sơn, Đông Hưng, Thái Bình
4	Từ Km 69+400 đến Km 69+600		P	Xã Đông Sơn, Đông Hưng, Thái Bình
5	Từ Km 85+900 đến Km 86+100	T		Xã Tân Bình, thành phố Thái Bình
6	Từ Km 85+900 đến Km 86+100		P	Xã Tân Bình, thành phố Thái Bình
7	Từ Km 93+00 đến Km 93+200		P	Xã Minh Quang, Vũ Thư, Thái Bình
8	Từ Km 97+100 đến Km 97+500	T		Xã Tân Lập, Vũ Thư, Thái Bình
II	**Quốc lộ 39**			
1	Từ Km53+500 đến Km 56+00		P	Xã Thái Phương, Hưng Hà , Thái Bình
2	Từ Km 66+00 đến Km 66+500	T		Xã Thăng Long, Đông Hưng, Thái Bình
3	Từ Km 66+00 đến Km 66+500		P	Xã Thăng Long, Đông Hưng, Thái Bình
4	Từ Km 86+00 đến Km 86+500	T		Xã Đông Á, Đông Hưng, Thái Bình
5	Từ Km 91+00 đến Km 91+500	T		Xã Đông Kinh, Đông Hưng, Thái Bình
6	Từ Km 91+300 đến Km 91+600		P	Xã Đông Tân, Đông Hưng, Thái Bình
III	**Quốc lộ 10 cũ**			
1	Từ Km 11+500 đến Km 12+380		P	TT Vũ Thư, Vũ Thư, Thái Bình
IV	**Đường tỉnh 458 (đường 39B)**			
1	Từ Km 7+500 đến Km 7+800		P	Xã Vũ Quý, Kiến Xương, Thái Bình

TT	Khu vực	Vị trí		Ghi chú
		Trái tuyến (T)	Phải tuyến (P)	
2	Từ Km8+500 đến Km 9+00	T		Xã Vũ Quý, Kiến Xương, Thái Bình
V	**Đường tỉnh 456 (đường 216)**			
1	Từ Km 4+00 đến Km 4+500	T		Xã Thụy Phong, Thái Thụy, Thái Bình
2	Từ Km 4+00 đến Km 4+500		P	Xã Thụy Phong, Thái Thụy, Thái Bình
VI	**Đường tỉnh 396B (đường 217)**			
1	Từ Km12+00 đến Km 12+500	T		Xã Quỳnh Giao, Quỳnh Phụ, Thái Bình
2	Từ Km12+00 đến Km 12+500		P	Xã Quỳnh Giao, Quỳnh Phụ, Thái Bình
3	Từ Km 24+00 đến Km 24+500	T		Xã Quỳnh Hưng, Quỳnh Phụ, Thái Bình
4	Từ Km 24+00 đến Km 24+500		P	Xã Quỳnh Hưng, Quỳnh Phụ, Thái Bình

Nguồn: Phòng ban chức năng của Sở GTVT

Phụ lục 7 - Quy mô diện tích, vị trí các bến xe liên tỉnh

TT	Tên bến xe	Loại bến đã công bố (Theo TT24)	Dự kiến Loại bến theo TT49 (Giai đoạn 2015-2020)	Dự kiến diện tích quy hoạch (m^2)	Dự kiến vị trí	Ghi chú
TP. Thái Bình						
1	Trung tâm TP Thái Bình	Loại 1	Loại 1		Giữ nguyên	
-	Cửa ngõ phía Tây	-	Loại 1	30000-50000	Phường Phú Xuân, TP TB	Đầu tư mới
2	Hoàng Hà	Loại 2	Loại 2		Giữ nguyên	
Đông Hưng						
3	Đông Hưng	Loại 4	Loại 4		Giữ nguyên	
Vũ Thư						
4	Bồng Tiên	Loại 4	Loại 4		Vị trí mới	
Quỳnh Phụ						
5	Quỳnh Côi	Loại 6	Loại 4	2500	Vị trí mới	
Hưng Hà						
6	Hưng Hà	-	Loại 4			
Thái Thụy						
7	TT Thái Thụy	Loại 3	Loại 3		Giữ nguyên	
Tiền Hải						
8	Tiền Hải	Loại 4	Loại 4		Giữ nguyên	
Kiến Xương						
9	Kiến Xương	Loại 6	Loại 4		Vị trí mới	Đang hoàn thiện

Nguồn: Phòng ban chức năng của Sở GTVT

Phụ lục 8 - Dự kiến kinh phí đầu tư mới và cải tạo, nâng cấp các bến xe (giai đoạn 2015 - 2020)

TT	Tên bến xe	Loại bến đã công bố (Theo TT24)	Dự kiến Loại bến (Giai đoạn 2015-2020)	Chi phí cải tạo, Nâng cấp (tỷ đồng)	Chi phí xây mới (tỷ đồng)	Thành tiền (tỷ đồng)
TP. Thái Bình						
1	Trung tâm TP Thái Bình	Loại I	Loại I	3		3
2	Cửa ngõ phía Tây	-	Loại 1		40	40
Thái Thụy						
3	TT Thái Thụy	Loại 3	Loại 3	2		2
Tiền Hải						
4	Tiền Hải	Loại 4	Loại 4	3		3
Hưng Hà						
5	Hưng Hà	-	Loại 4	2		2
Quỳnh Phụ						
6	Quỳnh Côi	Loại 6	Loại 4	10		10
Vũ Thư						
7	Bồng Tiên		Loại 4	2		2
Đông Hưng						
8	Đông Hưng		Loại 4	2		2
Kiến Xương						
9	Kiến Xương		Loại 4		10	10
TỔNG KINH PHÍ DỰ KIẾN						**74**

Nguồn : Quy hoạch hệ thống bến xe tỉnh Thái Bình đến năm 2020 định hướng đến năm 2030

Văn bản được ký số bởi:
Văn phòng UBND tỉnh

Thời gian ký số:
29/05/2015 15:47:34